TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2025/DS-ST
Ngày 12 – 9 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

2. Ông Tô Văn Nhung;

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phùng Kim Ngân **-** Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại Cơ sở 1 - Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 149/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Đ (viết tắt là P1); Địa chỉ trụ sở: Số B, N, phường T, quận H, Thành Phố Hà Nội nay là phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1983, ông Y Wăn B, sinh năm 1994 và ông Võ Hoàng N, sinh năm 1994; Địa chỉ liên hệ: 264E, đường L, phường A, quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh nay là phường N, Thành phố Hồ Chí Minh (Là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2025). Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Hữu T1, sinh năm 1982; HKTT: Tổ D, khu phố E, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai và bà Nguyễn Thị Lệ P, sinh năm 1983; HKTT: Tổ C, khu phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú cuối cùng: Số C, đường T, Khu phố N, Phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 7 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ trình bày:

Ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P đã cùng Ngân hàng TMCP Đ xác lập quan hệ tín dụng bằng việc ký kết Hợp đồng cho vay số 14311/2019/HĐTD/PVB-CN.GĐ ngày 26/11/2019, chi tiết như sau: Khế ước nhận nợ số: LD1933047879 ngày 26/11/2019; Số tiền cho vay: 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng); Số tiền giải ngân: 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng); Ngày giải ngân: 26/11/2019; Thời hạn vay: 72 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Cho vay mua ô tô; Lãi suất phát vay: 9,5%/năm.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ, ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết. Do đó, ngày 13/6/2024, P1 đã gửi Thông báo số 4369/TB-PVB về việc thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P.

Tổng dư nợ các khoản vay của ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P tạm tính đến ngày 12/09/2025 như sau: Nợ gốc: 645.434.674 đồng; Lãi trong hạn: 164.921.774 đồng; Lãi quá hạn: 274.110.424 đồng; Lãi của lãi chậm trả: 43.991.814 đồng; Tổng lãi: 483.024.011 đồng. Tổng cộng là: 1.128.458.685 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng).

Để bảo đảm cho các khoản vay, ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P đã ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 14311/2019/HĐBĐ/PVB-CN.GĐ ngày 26/11/2019 để thế chấp xe ô tô là: Xe ô tô hiệu FORD EVEREST; Màu sơn: Đen; Biển số xe: 60A – 717.24, Số khung: MNCAXXMAWAKT44109; Số máy: YNWQAT44109 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 144713, do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Đ cấp ngày 22/11/2019 cho ông Lê Hữu T1. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/11/2019, số đăng ký 1350724889.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là: 1.128.458.685 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng), bao gồm:

+ Nợ gốc: 645.434.674 đồng;

+ Lãi trong hạn: 164.921.774 đồng;

+ Lãi quá hạn: 274.110.424 đồng;

+ Lãi chậm trả lãi: 43.991.814 đồng;

- Đồng thời, buộc ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay, Khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày 13/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi quá hạn phát sinh thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô Hiệu: Ford Everest, màu sơn: Đen, số khung: MNCAXXMAWAKT44109, số máy: YNWQAT44109, biển kiểm soát: 60A-717.24 theo: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 144713 do Phòng C - Công an tỉnh Đ cấp ngày 22/11/2019 cho ông Lê Hữu T1 để thu hồi nợ.

Về án phí, chi phí tố tụng đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

** Đối với bị đơn ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P:* Quá trình tố tụng, ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng ông T1 và bà P đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P thanh toán nợ gốc, nợ lãi đối với Hợp đồng cho vay số 14311/2019/HĐTD/PVB-CN.GĐ ngày 26/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Khi giao kết Hợp đồng cho vay số 14311/2019/HĐTD/PVB-CN.GĐ ngày 26/11/2019 ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P cung cấp địa chỉ như sau: Ông Lê Hữu T1, sinh năm 1982; HKTT: Tổ D, khu phố E, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai và bà Nguyễn Thị Lệ P, sinh năm 1983; HKTT: Tổ C, khu phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Cùng địa chỉ hiện tại là: Số C, đường T, Khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, Công an thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cung cấp thông tin ông Lê Hữu T1, sinh năm 1982; HKTT: Tổ D, khu phố E, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai hiện tại không sinh sống tại địa phương từ năm 2021 đến nay. Bà Nguyễn Thị Lệ P, sinh năm 1983; HKTT: Tổ C, khu phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai hiện tại không sinh sống tại địa phương từ năm 2020 đến nay. Công an phường D cung cấp thông tin: Ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P không còn sinh sống tại địa chỉ 36/2/28, Khu phố N, Phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, bỏ địa phương đi từ năm 2021, đi đâu, làm gì không rõ.

Như vậy, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn trong đơn khởi kiện. Theo kết quả xác minh hiện nay ông T1, bà P không còn sinh sống tại địa chỉ theo hợp đồng đã giao kết. Khi thay đổi nơi cư trú bị đơn không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

Căn cứ theo theo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 29/8/2025 và 12/9/2025 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho bị đơn; đồng thời đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ; không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 26/11/2019, Ngân hàng TMCP Đ với ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P đã ký Hợp đồng cho vay số 14311/2019/HĐTD/PVB-CN.GĐ ngày 26/11/2019, chi tiết như sau: Khế ước nhận nợ số: LD1933047879 ngày 26/11/2019; Số tiền cho vay: 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng); Số tiền giải ngân: 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng); Ngày giải ngân: 26/11/2019; Thời hạn vay: 72 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Cho vay mua ô tô; Lãi suất phát vay: 9,5%/năm.

Hợp đồng cho vay số 14311/2019/HĐTD/PVB-CN.GĐ ngày 26/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P là tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện.

[3] Nguyên đơn xác định tính đến ngày 12/9/2025, ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P còn nợ nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là: 1.128.458.685 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng), bao gồm:

+ Nợ gốc: 645.434.674 đồng;

+ Lãi trong hạn: 164.921.774 đồng;

+ Lãi quá hạn: 274.110.424 đồng;

+ Lãi chậm trả lãi: 43.991.814 đồng;

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia tố tụng, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên xem như từ bỏ quyền trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp được chứng cứ về việc không vay nợ hoặc tài liệu chứng cứ về việc đã thanh toán một phần hoặc toàn bộ tiền nợ cho Ngân hàng TMCP Đ. Ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 14311/2019/HĐTD/PVB-CN.GĐ ngày 26/11/2019. Đồng thời, số tiền nguyên đơn yêu cầu phù hợp với các chứng cứ là Khế ước nhận nợ số: LD1933047879 ngày 26/11/2019 của ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận

[4] Về yêu cầu trả liền lãi: Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Tại mục 2.2 và 2.3 Điều 2 của Hợp đồng cho vay số 14311/2019/HĐTD/PVB-CN.GĐ ngày 26/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P các bên thỏa thuận lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi trong hạn, lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm.

Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong thì bị đơn ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay, Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[5] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Ngày 26/11/2019, Ngân hàng TMCP Đ với ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P đã ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 14311/2019/HĐBĐ/PVB-CN.GĐ ngày 26/11/2019. Theo đó, ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P dùng tài sản là: Xe ô tô hiệu FORD EVEREST; Màu sơn: Đen; Biển số xe: 60A – 717.24, Số khung: MNCAXXMAWAKT44109; Số máy: YNWQAT44109 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 144713, do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Đ cấp ngày 22/11/2019 cho ông Lê Hữu T1 để thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đ để bảo đảm cho khoản vay của ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P tại Hợp đồng cho vay số 14311/2019/HĐTD/PVB-CN.GĐ ngày 26/11/2019 và các hợp đồng khác. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/11/2019, số đăng ký 1350724889.

Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 14311/2019/HĐBĐ/PVB-CN.GĐ ngày 26/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P là tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ về việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[6] Chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do Ngân hàng TMCP Đ chịu theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự (đã nộp xong).

[7] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 30, 35, 39, 40, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1.1. Buộc ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ khoản nợ của Hợp đồng cho vay số 14311/2019/HĐTD/PVB-CN.GĐ ngày 26/11/2019, với số tiền tính đến ngày 12/9/2025 là: 1.128.458.685 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng), bao gồm:

+ Nợ gốc: 645.434.674 đồng;

+ Lãi trong hạn: 164.921.774 đồng;

+ Lãi quá hạn: 274.110.424 đồng;

+ Lãi chậm trả lãi: 43.991.814 đồng;

Kể từ ngày 13/9/2025, ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay, Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

1.2. Trường hợp khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi quá hạn phát sinh thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô Hiệu: Ford Everest, màu sơn: Đen, số khung: MNCAXXMAWAKT44109, số máy: YNWQAT44109, biển kiểm soát: 60A-717.24 theo: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 144713 do Phòng C - Công an tỉnh Đ cấp ngày 22/11/2019 cho ông Lê Hữu T1 để thu hồi nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ P phải chịu số tiền 45.853.761 đồng (bốn mươi lăm triệu tám trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 20.267.316 đồng (hai mươi triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm mười sáu đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010148 ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 -Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hải Nam